

Số: **3372** /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày **07** tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: **Nâng cấp văn phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh thú y thủy sản của tỉnh và huyện; Dự án: “Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững”, vay vốn WB**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Hiệp định số 5113-VN được ký ngày 09 tháng 8 năm 2012 giữa Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Thế giới (WB);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26 tháng 5 năm 2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư tiểu dự án nâng cấp văn phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh thú y thủy sản của tỉnh và huyện; dự án “Nguồn lợi ven biển vì sự nghiệp phát triển bền vững”, vay vốn WB;

Xét Tờ trình số 46/TTr-SNN&PTNT ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trên cơ sở đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4445/SXD-HĐXD ngày 26 tháng 8 năm 2015 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Tiểu dự án nâng cấp văn phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh thú y thủy sản của tỉnh và huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: **Nâng cấp văn phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh thú y thủy sản của tỉnh và huyện, với những nội dung sau:**

1. Tên dự án: Tiểu dự án nâng cấp văn phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh thú y thủy sản của tỉnh và huyện.

2. Cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Địa điểm xây dựng: Chi cục thú y tỉnh Thanh Hóa và Trạm thú y các huyện: Tĩnh Gia, Quảng Xương, Nông Cống, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa.

5. Mục tiêu đầu tư: Nâng cao năng lực cho cơ quan thú y cấp tỉnh và huyện về chuẩn đoán, giám sát, báo cáo sớm về dịch bệnh và dập dịch bệnh thủy sản.

6. Quy mô và nội dung đầu tư:

6.1. Chi cục thú y tỉnh Thanh Hóa.

a. Kiến trúc: Cải tạo Khu nhà thí nghiệm với những nội dung như sau:

- Mặt bằng tầng 1: Tháo dỡ cửa đi, cửa sổ cũ, thay mới bằng cửa nhựa lõi thép, các kết cấu khác giữ nguyên hiện trạng;

- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng phó chi cục thành phòng làm việc, phòng lưu mẫu thành 02 phòng thay đồ và phòng lưu mẫu, phòng làm việc và phòng xét nghiệm thành phòng xét nghiệm; tháo dỡ vách kính VK2, bóc dỡ lớp trát tường, trần cũ trong nhà, trát lại vữa xi măng mác 75#; xây tường ngăn dày 220mm ngăn phòng thay đồ và phòng lưu mẫu, tháo dỡ gạch lát nền trong nhà, hàng lang cũ, lát lại bằng gạch ceramic 400x400mm; xây mới bàn thí nghiệm, bàn chậu rửa, ốp tường trong nhà, bàn thí nghiệm bằng gạch 250x400mm; tháo dỡ cửa đi, cửa sổ thay bằng cửa nhựa lõi thép;

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phần kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện; lắp đặt điều hòa tại các phòng: phòng làm việc, phòng lưu mẫu và phòng xét nghiệm; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm; tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: Phá dỡ bể nước cũ thay bằng bể Inox, lắp đặt toàn bộ đường ống cấp, thoát nước tầng 2; xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ bể nước ngầm cấp lên téc nước trên mái bằng ống tráng kẽm D32 rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh cũng bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm và phòng thay đồ được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D40, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của

nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.2. Chi cục thú y huyện Nga Sơn.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Giữ nguyên hiện trạng xây dựng.

- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng kỹ thuật thành phòng xét nghiệm, phòng kho thành phòng lưu mẫu; thay mới lớp áo tường, trần 2 phòng bằng VXM mác 75#, lăn sơn trực tiếp, thay mới lớp gạch men cũ bằng gạch ceramic 400x400mm; giữ nguyên hiện trạng cửa đi, cửa sổ cũ, tại phòng xét nghiệm và phòng lưu mẫu lắp thêm cửa sổ nhựa lõi thép, kính trắng dày 6.83mm vào bên trong cửa trượt; xây mới bàn thí nghiệm; ốp tường trong bằng gạch ceramic 250x400mm cao 2,0m.

- Mặt bằng tầng 3: Giữ nguyên hiện trạng xây dựng.

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phần kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm; tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: Nguồn nước được lấy từ téc nước sẵn có trên mái rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh trong phòng thí nghiệm bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D42 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.3. Chi cục thú y huyện Hậu Lộc.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép, kính an toàn dày 6.83mm.

- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng hành chính thành phòng xét nghiệm, phòng nghỉ trạm trưởng thành phòng lưu mẫu; bóc bỏ lớp áo tường trần cũ trong nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, lăn sơn trực tiếp, thông 02 phòng bằng cửa đi D6; xây ngăn phòng trạm trưởng và phòng lưu mẫu; xây mới bàn thí nghiệm; ốp tường trong phòng bằng gạch men 250x400mm cao 2,0m; thay toàn bộ cửa đi, cửa sổ

bằng cửa nhựa lõi thép, kính an toàn dày 6.83mm.

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình; phần kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm; tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: phá dỡ bể nước cũ thay bằng bể Inox, lắp đặt mới đường ống cấp thoát nước cho 02 phòng được cải tạo nói trên, xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ téc nước sẵn có trên mái rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh trong phòng thí nghiệm bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D42 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.4. Chi cục thú y huyện Hoàng Hóa.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ (trừ cửa Đ3, ĐW, S4, S5) bằng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,83mm.

- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng thú y thành phòng xét nghiệm, phòng kho thành phòng lưu mẫu; bóc bỏ lớp áo tường trần cũ trong nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, lăn sơn trực tiếp; thay mới, lát lại bằng gạch Ceramic 400x400 trong hai phòng, hành lang; ốp tường trong 2 phòng bằng gạch 250x400mm cao 2,0m.; xây mới bàn thí nghiệm, ốp bàn thí nghiệm bằng gạch 250x400mm; thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ (trừ cửa ĐS,ĐW, S4, S5) bằng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,83mm.

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phần kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ

điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm; tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: Lắp đặt mới đường ống cấp thoát nước cho 02 phòng được cải tạo nói trên, xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ bể nước ngầm cấp lên téc nước trên mái bằng ống tráng kẽm D32 rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh cũng bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D40 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4h đến 6h tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2h sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.5. Chi cục thú y huyện Quảng Xương.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép.
- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng trạm trưởng thành phòng lưu mẫu, phòng tổng hợp thành phòng xét nghiệm; bóc bỏ lớp áo tường trần cũ trong nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, lăn sơn trực tiếp; ốp tường trong 2 phòng bằng gạch 250x400mm; thay mới gạch men cũ của 2 phòng thí nghiệm và lưu mẫu bằng gạch 400x400mm; xây mới bàn thí nghiệm, ốp bàn thí nghiệm bằng gạch 250x400mm; thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép.

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phần kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm; tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: Phá dỡ bể nước cũ thay bằng bể Inox, lắp đặt mới đường ống cấp thoát nước cho 02 phòng được cải tạo nói trên, xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ bể nước ngầm cấp lên téc nước trên mái bằng ống tráng kẽm D32 rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh cũng bằng ống tráng kẽm D32; Nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D40 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.6. Chi cục thú y huyện Nông Công.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép;
- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng trạm trưởng thành phòng lưu mẫu, phòng tổng hợp thành phòng xét nghiệm; bóc bỏ lớp áo tường trần cũ trong nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, lăn sơn trực tiếp; ốp tường trong 2 phòng bằng gạch 250x400mm cao 2,0m; thay mới gạch men cũ của 2 phòng thí nghiệm và lưu mẫu bằng gạch ceramic 400x400mm; mở cửa D5 thông 2 phòng thí nghiệm; xây mới bàn thí nghiệm; thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhựa lõi thép.

b. Kết cấu: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phân kết cấu bàn thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23.000\text{kg/cm}^2$.

c. Phần điện: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng được cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm, tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. Phần cấp thoát nước: Lắp đặt mới đường ống cấp thoát nước cho 02 phòng được cải tạo nói trên, xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ bể nước ngầm cấp lên téc nước trên mái bằng ống tráng kẽm D32 rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh cũng bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D40 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

6.7. Chi cục thú y huyện Tĩnh Gia.

a. Kiến trúc:

- Mặt bằng tầng 1: Thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ (trừ cửa ĐW, Đ5, S3) bằng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,83mm.
- Mặt bằng tầng 2: Cải tạo phòng thũ quỹ thành phòng xét nghiệm, phòng kho thành phòng lưu mẫu; bóc bỏ lớp áo tường trần cũ trong nhà, trát lại bằng vữa xi măng mác 75#, lăn sơn trực tiếp; thay mới, lát lại bằng gạch ceramic 400x400mm hai phòng thí nghiệm và phòng lưu mẫu và hành lang giữa 2 phòng, ốp tường trong 2 phòng bằng gạch 250x400mm; xây mới bàn thí nghiệm, ốp bàn

thí nghiệm bằng gạch 250x400mm; thay mới hệ thống cửa đi, cửa sổ toàn nhà (trừ cửa ĐS, ĐW) bằng cửa nhựa lõi thép, kính dày 6,83mm; đánh gi và sơn lại hoa sắt của sổ toàn nhà.

b. *Kết cấu*: Giữ nguyên phần kết cấu hiện trạng của công trình.; phần kết cấu bản thí nghiệm làm mới bằng BTCT mác 200, dày 80mm, sử dụng cốt thép nhóm AI có $R_a=23000\text{kg/cm}^2$.

c. *Phần điện*: Tháo dỡ toàn bộ hệ thống điện hiện trạng 02 phòng được cải tạo, thay mới các thiết bị điện, dây điện và 02 điều hòa cho phòng xét nghiệm và lưu mẫu; toàn bộ dây điện được luồn trong ống gen đi ngầm trên tường và trần, cách sàn 3m, công tắc đặt ở độ cao 1,5m so với sàn, sử dụng loại ngầm tường, các tủ điện vỏ kim loại phải được nối đất an toàn, RTĐ nhỏ hơn hoặc bằng 4 ôm, tất cả bình nước nóng vỏ phải nối mát.

d. *Phần cấp thoát nước*: Phá dỡ bể nước trên mái thay bằng téc nước Inox 1500 lít, lắp đặt mới đường ống cấp thoát nước cho 02 phòng được cải tạo nói trên, xây mới bể gom nước thải và bể xử lý nước thải; nguồn nước được lấy từ bể nước ngầm cấp lên téc nước trên mái rồi được cấp đến các thiết bị vệ sinh cũng bằng ống tráng kẽm D32; nước thải từ phòng thí nghiệm được dẫn bằng ống nhựa đến bể gom nước thải bằng ống UPVC D40 xuống bể xử lý nước thải, sau đó gom vào bồn xử lý bằng vật liệu Composite, sục khí, hóa chất vào bồn từ 4 giờ đến 6 giờ tùy mức độ ô nhiễm của nước, lắng 2 giờ sau đó bơm nước đã được xử lý ra ngoài.

7. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 3.781.559.000 đồng;

Trong đó:

- Chi phí xây dựng	2.345.469.438	đồng ;
- Chi phí thiết bị	727.320.000	đồng ;
- Chi phí Quản lý dự án	70.506.550	đồng ;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	226.226.922	đồng ;
- Chi phí khác	68.257.838	đồng ;
- Chi phí dự phòng	343.778.075	đồng ;

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

8. Nguồn vốn: Vốn vay ngân hàng thế giới (WB), vốn đối ứng của tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

10. Thời gian thực hiện: Không quá 02 năm

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, Sở Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Thế giới.

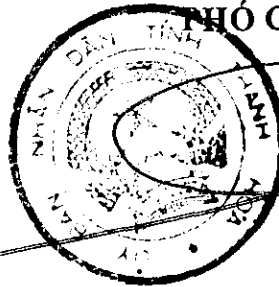
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hoá; Giám đốc Ban quản lý Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Thanh Hoá; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- BQL Trung ương, Dự án CRSD;
- Lưu: VT, NN.(A240)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ biểu chi tiết: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Công trình: Nâng cấp và phòng tăng cường năng lực đơn vị chuẩn đoán dịch bệnh truyền nhiễm của tỉnh và huyện.

(Kèm theo Quyết định số: 3319/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	Chi phí xây dựng	Gxd		2.345.469.438
1	Chi cục thú y Tỉnh		Dự toán chi tiết	422.922.525
2	Trạm thú y huyện Nga Sơn		Dự toán chi tiết	112.822.778
3	Trạm thú y huyện Hậu Lộc		Dự toán chi tiết	389.708.522
4	Trạm thú y huyện Hoàng Hóa		Dự toán chi tiết	356.284.739
5	Trạm thú y huyện Quảng Xương		Dự toán chi tiết	352.675.483
6	Trạm thú y huyện Nông Cống		Dự toán chi tiết	366.156.753
7	Trạm thú y huyện Tĩnh Gia		Dự toán chi tiết	344.898.638
II	Chi phí thiết bị	Gtb		727.320.000
III	Chi phí quản lý dự án	Gqlđa	$2,524\% \times (Gxd+Gtb)$	70.506.550
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		226.226.922
1	Chi phí khảo sát xây dựng			35.073.000
2	Chi phí lập báo cáo KTKT		$3,6\% \times Gxd$	92.880.590
3	Chi phí thẩm tra thiết kế và dự toán			9.522.606
4	Chi phí lập HSMT xây lắp và đánh giá HSDT xây lắp		$0,2\% \times Gxd$	4.690.939
5	Chi phí lập HSMT thiết bị và đánh giá HSDT thiết bị		Mức tối thiểu	2.000.000
6	Chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng		$2,628\% * Gxd$	61.638.937
7	Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị		$0,675\% * Gtb$	4.909.410
8	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		$20\% \times Gqlđa$	15.511.441
V	Chi phí khác	Gk		68.257.838
1	Lệ phí thẩm định Báo cáo KTKT		$TMĐT \times 0,019\%$	722.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình		$0,3\% \times Gxd$	9.218.368
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		$50\% \times TMĐT \times 0,38\%$	7.220.000
4	Chi phí kiểm toán		$TMĐT \times 0,64\%$	26.752.000
5	Chi phí thẩm định HSMT xây lắp và kết quả lựa chọn nhà thầu XL		$0,1\% \times Gxd$	2.345.469
6	Chi phí thẩm định HSMT thiết bị và kết quả lựa chọn nhà thầu TB		Mức tối thiểu	2.000.000
7	Chi phí kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước		(tạm tính)	20.000.000
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	$G_{DP1} + G_{DP2}$	343.778.075
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	G_{DP1}	$(I+II+III+IV) \times 5\%$	171.889.037
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	G_{DP2}	$(I+II+III+IV+V) \times 5\%$	171.889.037
	TỔNG CỘNG:	Gtmdt	$I+II+III+IV+V$	3.781.558.823
	LÀM TRÒN			3.781.559.000